TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **285**/2024/DS-ST
Ngày: 21-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Dũng
2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 535/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ**; Trụ sở: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1994 và bà Hứa Hồ Khánh T1, sinh năm 1993 (theo Giấy ủy quyền ngày 14/9/2023); Địa chỉ liên hệ: H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn xin vắng mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Đào Trung N**, sinh năm 1977.

2.2. Bà **Lê Thụy Huyền T2**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: 8 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có ông Phạm Ngọc T trình bày:

Ngày 23/5/2022, ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 (sau đây gọi tắt là bị đơn) đã ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số REF2214000082/HDTD/LAB-ĐTN để vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là S hoặc Ngân hàng), cụ thể như sau:

-Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng);

-Mục đích vay: Vay bù đắp mua bất động sản.

-Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo của n gày giải ngân đến ngày 23/05/2046. Ngày giải ngân là ngày 23/05/2022.

-Lãi suất cho vay:

+ Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của Lãi suất cơ sở do S ban hành từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/05/2023, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở của S đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh công với (+) biên độ 3,69%/năm.

S đã giải ngân và bị đơn cũng đã nhận nợ số tiền 10,000,000,000 đồng theo hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 0000023110941 của khách hàng Nguyễn Thanh T3 mở tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 2-1, địa chỉ: Phường G, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất số CN 341691, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 06296 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 17/07/2018 cho ông Huỳnh Minh D, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đào Trung N ngày 19/05/2022.

-Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2-01, địa chỉ: Phường G, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 705369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00467 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An cấp ngày 26/12/2007 cho ông Huỳnh Minh D, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đào Trung N ngày 19/05/2022.

-Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2-01, địa chỉ: Phường G, Thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 707636, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00490 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An cấp ngày 10/01/2008 cho ông Huỳnh Minh D, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đào Trung N ngày 19/05/2022.

Việc thế chấp đã được các bên ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất

số REF2214000082/HDTC/LAB-ĐTN ký ngày 23/05/2022; Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho S. S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng vẫn không thực hiện, thậm chí còn có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tiền tạm tính là 11.513.868.547 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 9.756.426.687 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 1.589.818.626 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 167.623.234 đồng.

Bị đơn – ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nơ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn – ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và gửi văn bản trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông N và bà T2 thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2024 là 11.536.189.196 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 9.756.426.687 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 1.607.954.150 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 171.808.359 đồng.

Yêu cầu thanh toán ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông N và bà T2 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay đã ký kết từ ngày 22/5/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp, ông N và bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Bị đơn – ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp; kiến nghị Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn vị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phần tranh tụng tại phiên tòa đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn - ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 trả các khoản tiền còn thiếu theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2214000082/HDTD/LAB-ĐTN ngày 23/5/2022. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Phiếu xác minh ngày 28/11/2023 của Công an P, quận T và Công văn số 3853/A08-P3 ngày 15/12/2023 của Cục Q xác nhận: Ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 *"đã xuất nhập cảnh 01 lượt, lượt gần nhất xuất cảnh ngày 16/01/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại"*. Do bị đơn đã xuất cảnh khỏi Việt Nam; việc niêm yết công khai tại địa phương không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo nên Tòa án đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn biết về việc giải quyết vụ án là đúng quy định tại các điều 170, 173 và 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bị đơn – ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền còn thiếu tạm tính đến ngày đến ngày 21/5/2024 là 11.536.189.196 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay từng lần số REF2214000082/HDTD/LAB-

ĐTN ngày 23/5/2022 và Ủy nhiệm chi ngày 23/5/2022 thể hiện ngân hàng đã giải ngân cho ông N và bà T2 vay số tiền 10.000.000.000 đồng để mua đất/nhà để ở. Căn cứ vào bản kê gốc – lãi của nguyên đơn thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 9.756.426.687 đồng kèm các khoản lãi phát sinh mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác có liên quan cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến tranh chấp hay phản đối. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và lãi như nguyên đơn trình bày. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số công nợ còn thiếu nêu ở trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 21/5/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy, yêu cầu này là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận đã ký kết giữa các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về phương thức và thời hạn thanh toán, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ tiền nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật như phía nguyên đơn yêu cầu.

[2.4] Về yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn:

Xét tài sản thế chấp thực hiện theo đúng quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm (có ký hợp đồng thế chấp theo quy định và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền) nên việc thế chấp phát sinh hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86 (tờ bản đồ số 2-1), thửa đất số 13 và 45 (tờ bản đồ số 2-01), địa chỉ: Phường G, thành phố T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An cấp, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Như đã nhận định trên Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa về việc đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Áp dụng Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng do bị đơn chịu. Nguyên đơn đã tạm ứng số tiền này nên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 11.536.189.196 đồng phải trả cho nguyên đơn. Án phí bị đơn phải chịu là 119.536.189 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 170, Điều 173, Điều 180, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 299, 320, 322, 323, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

1.1. Ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2024 là **11.536.189.196** *(Mười một tỉ, năm trăm ba mươi sáu triệu, một trăm tám mươi chín ngàn, một trăm chín mươi sáu)* đồng (trong đó bao gồm: nợ gốc là 9.756.426.687 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.607.954.150 đồng, nợ lãi quá hạn là 171.808.359 đồng) để chấm dứt nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng cho vay từng lần số REF2214000082/HDTD/LAB-ĐTN ngày 23/5/2022 mà các bên đã ký kết.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 22/5/2024 theo mức lãi suất quá hạn, lãi phạt quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2214000082/HDTD/LAB-ĐTN ngày 23/5/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

1.2. Trường hợp ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 không thanh toán được số nợ nói trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp sau

đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 2-1, địa chỉ: Phường G, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất số CN 341691, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 06296 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 17/07/2018 cho ông Huỳnh Minh D, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đào Trung N ngày 19/05/2022.

-Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2-01, địa chỉ: Phường G, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 705369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00467 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An cấp ngày 26/12/2007 cho ông Huỳnh Minh D, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đào Trung N ngày 19/05/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2-01, địa chỉ: Phường G, Thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 707636, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00490 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An cấp ngày 10/01/2008 cho ông Huỳnh Minh D, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đào Trung N ngày 19/05/2022.

Khi ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 thanh toán hết số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ các giấy tờ liên quan tài sản bảo đảm cho bên thế chấp.

Nếu sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì ông N và bà T2 có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền còn thiếu.

Trường hợp nếu sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì hoàn trả phần giá trị chênh lệch cho bên thế chấp.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 20.000.000 *(Hai mươi triệu)* đồng do ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 chịu. Ông N và bà T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 20.000.000 *(Hai mươi triệu)* đồng là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã tạm ứng.

- Ông Đào Trung N và bà Lê Thụy Huyền T2 phải chịu án phí sơ thẩm là 119.536.189 *(Một trăm mười chín triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, một trăm tám mươi chín)* đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.292.476 *(Năm mươi chín triệu, hai trăm chín mươi*

hai ngàn, bốn trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024034 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hiếu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKS ND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.